

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

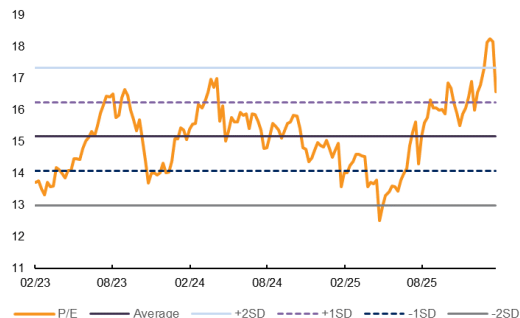
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.791,4	266,0	129,3
1 ngày (%)	-1,2	0,3	0,5
1 tháng (%)	0,4	6,9	6,9
Từ 2026	0,4	6,9	6,9
1 Năm (%)	41,7	17,4	35,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	325	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,3	2,3	1,0
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

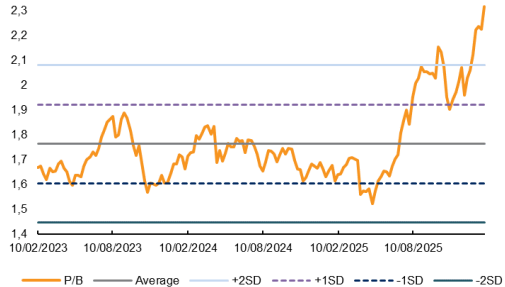
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index mất 1.800 điểm do áp lực bán mạnh từ nhóm Vingroup

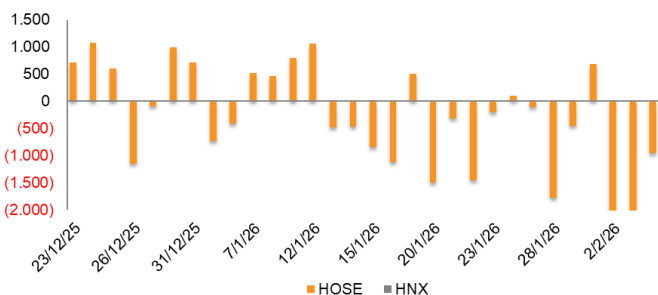
Thị trường ghi nhận một phiên điều chỉnh khi sắc đỏ bao trùm trên nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là áp lực bán tại nhóm ngành Bất động sản. Kết thúc phiên giao dịch ngày 04/02, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.791,43 điểm, giảm -21,97 điểm (-1,21%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng lại có dấu hiệu cân bằng với 155 cổ phiếu giảm so với 167 cổ phiếu tăng điểm, cho thấy tâm lý thận trọng dù chiếm ưu thế nhưng lực mua vẫn xuất hiện mỗi khi thị trường giảm điểm sâu.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.988,19 điểm, giảm -9,50 điểm (-0,48%). Trong rổ VN30, sắc đỏ chiếm ưu thế hơn với 16 cổ phiếu giảm điểm và chỉ có 10 cổ phiếu giữ được sắc xanh. Xét theo ngành, nhóm Bất động sản ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất (-4,84%), trở thành tác nhân chính kéo lùi chỉ số. Các nhóm ngành khác cũng chịu áp lực điều chỉnh bao gồm Viễn thông (-1,80%), Công nghệ (-1,48%) và Ngân hàng (-0,44%). Ở chiều ngược lại, dòng tiền nỗ lực tìm điểm tựa tại nhóm Tài nguyên (+4,26%), Bảo hiểm (+3,15%) và Xây dựng & Vật liệu (+1,26%), tuy nhiên lực cầu này chưa đủ để đối ứng với đà bán ở nhóm vốn hóa lớn.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 04/02 tăng lên mức 31.144 tỷ đồng, tăng 1,17% so với phiên trước đó và thấp hơn trung bình của 20 phiên gần nhất. Dòng tiền trong phiên hôm nay có xu hướng rút khỏi các nhóm cổ phiếu đầu cơ và tập trung phòng thủ tại các nhóm ngành như Tài nguyên và Bảo hiểm. Trong khi đó, nhóm Bất động sản cụ thể là nhóm cổ phiếu Vingroup vẫn chịu áp lực bán lớn, phản ánh sự thay đổi trong kỳ vọng ngắn hạn của nhà đầu tư sau chuỗi tăng điểm ấn tượng của nhóm cổ phiếu này trong năm 2025. Trong bối cảnh VN-Index đang nỗ lực tìm điểm cân bằng sau khi thiết lập đỉnh mới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì kỷ luật trong quản trị danh mục: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao. (1) Nên tận dụng các nhịp phục hồi kỹ thuật để cơ cấu lại danh mục. (2) Ưu tiên nắm giữ các mã thuộc nhóm ngành đang thu hút dòng tiền mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò đối với các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, lợi nhuận tăng trưởng đột biến và đã có nhịp chiết khấu đủ sâu. (2) Việc giải ngân nên ưu tiên các cổ phiếu có thanh khoản tốt và sức mạnh giá ổn định hơn thị trường chung, đồng thời chia nhỏ tỷ trọng để quản trị rủi ro tỷ giá và biến động địa chính trị toàn cầu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,9	154,8	4,0	-0,4	1,8	1,8	34,8	27,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,8	21,9	3,6	-0,1	9,5	9,5	20,2	-5,1
Năng lượng	2,8	44,6	2,0	0,6	51,6	51,6	65,5	-23,9
Tài chính	41,2	12,8	2,0	-0,2	10,6	10,6	35,3	-11,5
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,7	2,8	-0,2	5,0	5,0	13,9	11,9
Công nghiệp	7,6	33,7	3,7	-0,2	-1,8	-1,8	70,2	74,1
Công nghệ thông tin	2,4	19,9	4,6	-1,7	8,9	8,9	-14,9	25,0
Vật liệu xây dựng	6,4	20,1	2,1	1,9	23,2	23,2	24,6	138,9
Bất động sản	20,8	48,7	4,3	-5,3	-21,6	-21,6	313,3	29,4
Dịch vụ tiện ích	5,1	20,0	1,8	-0,5	42,4	42,4	57,5	-12,7

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Lãi suất liên ngân hàng (LSLNH) qua đêm đã giảm xuống 9,5% trong ngày 4/2 sau khi chạm đỉnh 17% ngày hôm trước. Tuy nhiên, LSLNH đã duy trì trên mức 9% trong ba ngày liên tiếp cho thấy tình hình thanh khoản vẫn còn khá căng thẳng.
- Ngày 4/2, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục bơm ròng 8,7 nghìn tỷ đồng trên kênh OMO nhưng lượng bơm ròng đã giảm đáng kể so với hai phiên trước. Trong tuần này, NHNN đã bơm ròng hơn 130 nghìn tỷ để hỗ trợ thanh khoản. Ngoài ra, NHNN được cho là đã sử dụng các hợp đồng kỳ mua kỳ hạn USD 21 ngày, trong đó NHNN sẽ mua USD giao ngay với giá 23.864 và bán kỳ hạn 23.882 để bơm VND ngắn hạn vào hệ thống.
- Với động thái can thiệp mạnh từ NHNN, chúng tôi kỳ vọng lãi suất sẽ hạ nhiệt trong vài phiên tới nhưng vẫn sẽ duy trì ở mức cao trong bối cảnh tình hình thanh khoản chung vẫn khá hạn chế do nhu cầu giao dịch và giải ngân tín dụng cho các dự án đầu tư công được đẩy mạnh trước dịp Tết.

Tin vĩ mô trong nước

- Việt Nam đang hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới trong năm 2026. Năm 2025, GDP Việt Nam tăng trên 8%, mức vượt trội trong khu vực, phản ánh nền tảng phục hồi vững chắc.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **PHR – Đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2026, cổ phiếu lập đỉnh mới trên thị trường:** Cao su Phước Hòa (PHR) vừa công bố định hướng kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu tăng trưởng tích cực. Theo kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua, PHR đặt mục tiêu doanh thu đạt 2,28 nghìn tỷ đồng (khoảng 87 triệu USD) và lợi nhuận trước thuế đạt 953 tỷ đồng (khoảng 36 triệu USD), cao hơn so với mức thực hiện năm 2025.
- **GMD – Lợi nhuận 2025 tăng trưởng hai chữ số, Gemalink tiếp tục là động lực chủ lực:** Gemadept (GMD) khép lại năm 2025 với lợi nhuận ròng gần 1,7 nghìn tỷ đồng (khoảng 64,6 triệu USD), tăng 15% so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả hoạt động ổn định của mảng khai thác cảng và đóng góp ngày càng lớn từ khoản đầu tư tại Gemalink – cảng nước sâu chiến lược tại khu vực Cái Mép – Thị Vải. Doanh thu thuần đạt khoảng 5,9 nghìn tỷ đồng (224,3 triệu USD), chủ yếu đến từ hoạt động cảng container, logistics và dịch vụ liên quan.
- **MSR – Lợi nhuận kỷ lục nhờ chu kỳ vonfram, trở thành động lực tăng trưởng mới của Masan:** Masan Resources (MSR) ghi nhận lợi nhuận kỷ lục trong quý IV/2025 đạt 222 tỷ đồng (khoảng 8,44 triệu USD), đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chu kỳ phục hồi và tăng trưởng của doanh nghiệp khai khoáng này. Động lực chính đến từ giá vonfram tăng mạnh gấp khoảng 2,6 lần so với đáy, giúp doanh thu cả năm 2025 của MSR tăng 18,8%, cải thiện đáng kể biên lợi nhuận và dòng tiền hoạt động.
- **PGV – Lợi nhuận đảo chiều mạnh mẽ, cao nhất 13 năm nhờ cải thiện hiệu quả tài chính:** Tổng Công ty Phát điện 3 (PGV) ghi nhận kết quả bứt phá trong quý IV/2025 khi lợi nhuận ròng đạt 2,55 nghìn tỷ đồng (khoảng 97 triệu USD), đảo chiều hoàn toàn so với khoản lỗ 420 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Sự cải thiện đến từ doanh thu tăng 13%, giá vốn hàng bán giảm 10% và đặc biệt chi phí tài chính giảm mạnh 80%, giúp biên lợi nhuận phục hồi rõ rệt.
- **GVR – Doanh thu tăng trưởng ổn định, lợi nhuận quý IV chịu áp lực chi phí nhưng cả năm vượt kế hoạch:** Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) trong quý IV/2025 ghi nhận doanh thu đạt 8,5 nghìn tỷ đồng (khoảng 323 triệu USD), tăng 9% so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận ròng giảm 49% xuống hơn 1 nghìn tỷ đồng (khoảng 38 triệu USD) do chi phí đầu vào và chi phí hoạt động gia tăng, tạo áp lực lên biên lợi nhuận trong ngắn hạn. Tính cả năm 2025, GVR đạt doanh thu 28,9 nghìn tỷ đồng (khoảng 1,1 tỷ USD), tăng 10%, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (khoảng 289 triệu USD), tăng mạnh 36% và vượt kế hoạch 31%.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng (LSLNH) qua đêm ngày 6/1 giao dịch ở mức 5,6%, vẫn còn cao mức 1,65% cuối tuần trước nhưng đã hạ nhiệt so với hôm qua (6,8%). LSLNH kỳ hạn 1 tuần tiếp tục giảm xuống 6,1% từ mức 9,1% cuối tuần trước và 7,3% ngày hôm qua, cho thấy áp lực thanh khoản phần nào được kiểm soát. NHNN đã hút ròng 9,8 nghìn tỷ đồng trong ngày 6/1.
- Tỷ giá vẫn chưa nhiều diễn biến đáng kể sau các thông tin liên quan đến cuộc tấn công của Mỹ vào Venezuela.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,67	0,7	12,7	12,7	56,8
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/h)	9,65	72,9	484,8	484,8	105,3
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,43	0,8	-9,1	-9,9	53,2
USD/VND	25.984	0,1	1,1	1,2	-3,1
DXY	97,53	0,1	-0,9	-0,8	-9,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,28	0,3	2,1	2,7	-5,2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,66	0,4	3,1	3,4	-13,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.049,10	3,0	16,6	16,3	77,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	63,53	0,5	10,8	10,6	-12,6
Dầu Brent (USD/b) 1 th	67,58	0,4	11,2	11,1	-11,3
Thép (USD/tấn)	466,1	-0,1	-0,5	-0,5	-7,3
Thịt heo (USD/kg)	1,8	-1,9	-1,9	-1,9	-21,3
Gạo (USD/tấn)	501,9	-0,2	17,7	15,3	-18,3
Phân urea (USD/tấn)	410,0	6,2	19,7	19,7	13,1

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 05/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Sản xuất tháng 12.2025
Thứ Ba 06/01/2026	Việt Nam	Số liệu vĩ mô tháng 12 và Q4.2025
Thứ Tư 07/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Phi sản xuất tháng 12.2025
Thứ Sáu 09/01/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 12.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.679	4,5	3.604	55.700	73.300	32,6%	1,0%	18,8	3,0	17%
AST	125	0,0	5	72.400	85.400	21,4%	3,5%	14,3	5,1	38%
HVN	3.209	1,6	684	26.800	43.400	64,3%	2,3%	10,4	14,9	
VJC	3.439	14,2	801	165.000	113.600	-30,5%	0,6%	43,8	3,9	10%
Bán lẻ										
BAF	441	3,8	202	37.650	37.200	-1,2%		125,5	2,7	13%
DGW	477	4,1	124	56.000	49.600	-10,5%	0,9%	22,4	3,6	17%
FRT	1.146	3,3	188	174.900	150.300	-13,9%	0,2%	37,5	5,7	26%
MCH	7.845	3,4	2.734	157.200	147.000	-5,2%	1,3%	30,5	11,3	46%
MWG	5.223	22,1	88	91.800	96.300	6,0%	1,1%	19,2	4,1	23%
PNJ	1.572	4,6	2	119.700	109.900	-7,4%	0,8%	15,2	3,1	23%
QNS	698	0,2	283	49.300	53.400	10,3%	2,0%	8,1	1,4	18%
SAB	2.552	3,4	1.063	51.700	59.900	19,7%	3,9%	15,5	3,1	20%
VHC	589	2,8	466	68.200	71.300	7,5%	2,9%	9,8	1,6	17%
VNM	5.791	16,2	2.886	72.000	74.800	7,8%	4,0%	17,9	4,9	27%
Tài chính										
ACB	4.665	10,5	88	23.600	31.300	36,3%	3,7%	7,8	1,3	18%
BID	14.322	11,5	1.811	53.000	47.200	-10,1%	0,8%	12,4	2,2	19%
CTG	11.837	20,6	535	39.600	49.000	24,5%	0,8%	8,9	1,8	22%
HDB	5.307	20,7	215	27.550	39.500	45,7%	2,3%	7,8	1,8	25%
LPB	4.852	3,3	206	42.200	33.400	-14,9%	5,9%	11,0	2,7	25%
MBB	8.618	25,4	104	27.800	32.900	20,1%	1,8%	8,4	1,6	22%
STB	4.629	25,5	729	63.800	45.700	-27,4%	1,0%	20,3	2,0	10%
TCB	9.422	16,1	0	34.550	40.300	19,5%	2,9%	9,7	1,4	16%
TPB	1.858	6,1	96	17.400	17.800	7,8%	5,5%	6,5	1,2	17%
VCB	22.767	18,9	2.022	70.800	69.300	-1,5%	0,6%	16,8	2,6	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2.279	4,1	2	17.400	23.600	39,2%	3,5%	8,1	1,3	16%
VPB	8.473	22,2	426	27.750	37.100	35,5%	1,8%	9,2	1,3	15%
Dệt may										
MSH	167	0,8	73	38.600	40.600	15,5%	10,4%	7,1	2,0	28%
TCM	119	1,5	2	27.650	29.800	9,6%	1,8%	12,8	1,3	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.864	2,2	927	71.900	68.600	-3,1%	1,5%	21,5	3,3	16%
GMD	1.203	3,8	128	73.300	72.000	1,0%	2,7%	20,0	2,4	12%
HAH	385	4,5	89	59.300	55.400	-5,3%	1,3%	8,6	2,2	29%
VSC	318	7,3	151	22.100	19.100	-11,3%	2,3%	24,3	1,5	9%
IDC	733	4,8	258	50.200	45.600	-6,2%	3,0%	9,9	2,9	32%
KBC	1.346	6,3	508	37.150	30.000	-18,2%	1,0%	15,1	1,4	10%
PHR	349	1,4	123	67.000	68.400	4,1%	2,0%	13,6	2,3	17%
VTP	533	3,4	231	113.700	129.200	14,6%	1,0%	46,9	7,9	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.004	13,3	434	68.700	128.300	91,1%	4,4%	9,2	1,7	20%
HPG	8.360	35,8	2.392	28.300	30.000	7,0%	1,0%	14,1	1,7	13%
Dầu khí										
BSR	4.635	11,0	2.204	24.050	16.700	-28,8%	1,8%	58,2	2,1	4%
GAS	10.754	8,4	5.017	115.800	78.400	-30,5%	1,8%	24,5	4,3	20%
OIL	708	2,0	43	17.800	14.800	-15,4%	1,4%	56,3	1,8	3%
PLX	2.934	9,6	134	60.000	47.700	-18,5%	2,0%	31,9	3,0	10%
PVD	717	10,6	270	33.500	32.600	4,8%	7,5%	20,5	1,1	6%
PVS	919	10,8	308	46.700	41.800	-9,1%	1,4%	13,1	1,6	13%
PVT	408	3,6	156	22.550	23.400	4,8%	1,0%	10,2	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	654	4,1	302	25.000	22.700	-5,7%	3,5%	21,9	1,5	7%
DCM	780	3,4	351	38.300	40.000	9,7%	5,2%	12,3	1,9	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	171	1,3	79	30.400	39.700	33,6%	3,0%	26,4	2,5	10%
PLC	110	0,7	53	35.500	34.100	-2,5%	1,4%	211,3	2,2	9%
Điện										
POW	1.706	6,6	767	14.450	14.400	0,8%	1,1%	16,8	1,2	6%
Điện và BDS										
HDG	391	2,7	119	27.450	37.400	37,8%	1,5%	14,4	1,6	5%
PC1	414	3,9	148	26.150	26.500			11,6	1,6	15%
REE	1.305	1,1	0	62.600	76.600	24,0%	1,6%	13,4	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	659	9,0	182	15.400	18.300	31,8%	13,0%	66,7	1,2	2%
KDH	1.160	6,7	264	26.850	41.800	56,8%	1,1%	30,6	1,6	5%
NLG	534	2,8	40	28.600	42.200	49,2%	1,6%	19,6	1,1	6%
VHM	14.432	29,8	6.011	91.300	93.600			9,1	1,6	19%
VRE	2.470	13,0	897	28.250	32.000	17,0%	3,7%	10,0	1,3	14%
Công nghệ										
FPT	6.681	29,0	601	101.900	118.200	17,0%	1,0%	18,5	4,8	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA